

Hoàng Mai, ngày 08 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án: Hệ thống thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai 2

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo:

1. Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án Hệ thống thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II: (Có phương án chi tiết kèm theo)

2. Thời gian niêm yết 10 ngày: Bắt đầu từ ngày **09/9÷18/9/2026**.

3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Hoàng Mai, địa chỉ: khối 9, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Nhà văn hóa khối 13, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Cổng thông tin điện tử phường Hoàng Mai tại địa chỉ: <https://hoangmai.nghean.gov.vn/>

4. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến UBND phường Hoàng Mai (qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II, để được hướng dẫn, xem xét giải quyết; thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trong giờ hành chính).

Trong thời gian niêm yết, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Hết thời gian niêm yết nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

5. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử phường có trách nhiệm đăng tải Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường.



Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Hệ thống thoát nước quan Khu công nghiệp Hoàng Mai II đề nghị Trưởng khối 13 và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án niêm yết công khai được biết, phối hợp thực hiện./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND phường (b/c);
- Các phòng: KT, HT và ĐT, VHXXH
- Trưởng khối 13;
- Lưu: HĐBT.

TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Lượng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Hệ thống kênh thoát nước quanh

Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Lê Thạc Mạnh và bà Nguyễn Thị Hồng Nhân khẩu: 6

Địa chỉ: Khối 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, PCT Hội đồng; |
| 3 Bà Bùi Thị Thương | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Tống Việt Hà | Phó phòng Dự án, Ban QLDA khu vực KKT Nghệ An, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chỉ cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025; Báo cáo của Chi cục thống kê cơ sở Tân Mai số 16/BC-CCTK ngày 23/2/2026

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 60, Trích đo số 03/2026	47	233,4	73.000	17.038.000
	Cộng:		233,4		17.038.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							129.985.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất							Diện tích (m2)
TT	Tên hạng mục			Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Chuồng trại chăn nuôi làm bằng vật liệu khó cháy, nền láng vữa xi măng, đã bao gồm BT lót nền và móng tường, mái lợp ngói, tường xây tấp lô S=4,5*6,5+4,5*3,9 H=2 (Kh=0.91) Kbc=0.92			100%	m2XD	46,8	1.495.000	58.576.000
2	Chuồng trại chăn nuôi làm bằng vật liệu khó cháy, nền láng vữa xi măng, đã bao gồm BT lót nền và móng tường, mái phibro xi măng, tường xây tấp lô S=3*4,5 H=1.3 (Kh=0.82) Kbc=0.92			100%	m2XD	13,5	1.160.000	11.814.000
-	Bể phốt xây gạch có nắp dầy BTCT dầy 10cm V=4*3*1,5			100%	m3	18	1.975.000	35.550.000
1	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 65m			100%	md	65	317.000	20.605.000
2	Đường ống nước ĐK 34			100%	md	80	43.000	3.440.000
B	Cây cối, hoa màu (I+II)							36.860.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)

	Tài sản trên thửa 47							
1	Cam thu hoạch	625	161,1	10	Cây	100%	800.000	8.000.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 1			10	Cây	50%	800.000	4.000.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 2 trở đi			48	Cây	30%	800.000	11.520.000
-	Cam chưa TH >4cm			120	Cây	30%	300.000	10.800.000
-	Chuối			14	bụi	50%	50.000	350.000
2	Mít TH			3	Cây	30%	600.000	540.000
3	Mít 5-8cm			3	Cây	30%	250.000	225.000
4	Ổi TH			2	Cây	30%	300.000	180.000
5	Xà cừ 20-30			1	Cây	30%	300.000	90.000
6	Mãng cầu TH			6	Cây	30%	400.000	720.000
7	Xoan đầu ĐK >30-40			1	Cây	30%	500.000	150.000
8	Trứng gà TH			1	Cây	30%	150.000	45.000
9	Nhãn TH			1	Cây	30%	500.000	150.000
10	Chanh TH			1	Cây	30%	300.000	90.000
C	Vật nuôi							362.000
1	Lợn di dời <10km (6 con/1 ĐVN)			0,6667	ĐVN	100%	543.000	362.000

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	17.038.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	129.985.000

2	Cây cối, hoa màu		36.860.000
3	Vật nuôi		362.000
	Tổng cộng:		184.245.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

42.176.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$233,4 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 34.076.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 0,70 %)

$$6 \text{ khẩu} \times 3 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 8.100.000$$

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

226.421.000

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỆ THỐNG KÊNH THOÁT NƯỚC QUANH KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Tống Việt Hà
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Bùi Thị Thương
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
Thủy**
Chuyên viên
phòng KT, HT &



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



**Trưởng phòng
KT, HT & ĐT**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Hệ thống kênh thoát nước quanh

Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Bảo Tiến
và vợ là bà Hồ Thị Lài

Nhân khẩu: 5

Địa chỉ: Khối 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, PCT Hội đồng; |
| 3 Bà Bùi Thị Thương | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuỳ | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Tống Việt Hà | Phó phòng Dự án, Ban QLDA khu vực KKT Nghệ An, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chỉ cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025; Báo cáo của Chi cục thống kê cơ sở Tân Mai số 16/BC-CCTK ngày 23/2/2026

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 65, Trích đo số 03/2026	1	327,3	73.000	23.893.000
2	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 65, Trích đo số 03/2027	505	49,4	73.000	3.606.000
3	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 60, Trích đo số 03/2028	54	1.494,3	73.000	109.084.000
4	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 60, Trích đo số 03/2028	55	244,3	73.000	17.834.000
5	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 60, Trích đo số 03/2028	58	206,1	73.000	15.045.000
	Cộng:		2.321,4		169.462.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							50.670.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất						Diện tích (m2)	
TT	Tên hạng mục		Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	
1	Đường ống nước ĐK 42		100%	md	220	43.000	9.460.000	
2	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 65m, 2 cái		100%	md	130	317.000	41.210.000	
B	Cây cối, hoa màu (I+II)							312.201.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch	625	2.300,0	144	Cây	100%	800.000	115.200.000

-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 1			144	Cây	50%	800.000	57.600.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 2 trở đi			342	Cây	30%	800.000	82.080.000
-	Cam CTH ĐK > 5			45	Cây	30%	300.000	4.050.000
-	Cam CTH ĐK 4-5			115	Cây	30%	300.000	10.350.000
-	Cau <1m			378	Cây	30%	50.000	5.670.000
-	Cau 1-2m			252	Cây	30%	100.000	7.560.000
-	Bạch đàn ĐK 10-15			108	Cây	30%	100.000	3.240.000
12	Dứa queen	3,2858	2.300,0	7.557	kg	50%	7.000	26.451.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		169.462.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		50.670.000
2	Cây cối, hoa màu		312.201.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		532.333.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

347.924.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$2.321,4 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 338.924.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 15,10 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 4 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 9.000.000$$

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 880.257.000

Bằng chữ: Tám trăm tám mươi triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn.

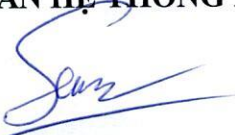
V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

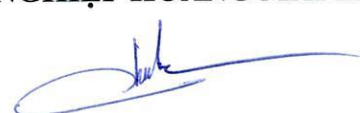
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỆ THỐNG KÊNH THOÁT NƯỚC QUANH KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



Tống Việt Hà
Đại diện Chủ đầu tư



Đâu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Bùi Thị Thương
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuý
Chuyên viên phòng KT, HT &



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Hệ thống kênh thoát nước quanh

Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Lê Văn Vượng
và vợ là bà Hồ Thị Quyết

Nhân khẩu: 8

Địa chỉ: Khối 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, PCT Hội đồng; |
| 3 Bà Bùi Thị Thương | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuỳ | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Tống Việt Hà | Phó phòng Dự án, Ban QLDA khu vực KKT Nghệ An, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐĐC 60, Trích đo số 03/2026	45	3.895,0	73.000	284.335.000
	Cộng:		3.895,0		284.335.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc					399.043.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất					Diện tích (m2)
TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 65m x 2 cái	100%	md	130	317.000	41.210.000
4	Chuồng trại chăn nuôi làm bằng vật liệu khó cháy, nền láng vữa xi măng, đã bao gồm bê tông lót nền và móng tường bao che, bao che bằng gạch táp lô, mái tôn tráng kẽm $S = (7,5 \times 3,5) + (7,7 \times 6)$; $H = 2,5m$, $K_{bc} = 0,92$	100%	m ²	72	1.225.000	81.651.000
5	Chuồng trại chăn nuôi làm bằng vật liệu khó cháy, nền đất, bao che bằng lưới B40, mái tôn tráng kẽm (chuồng nuôi dê) $S = (4 \times 6) + (11,4 \times 6)$; $H = 2,5m$, $K_{bc} = 0,75$	100%	m ²	92	1.090.000	75.537.000
-	Khấu trừ nền láng vữa xi măng	100%	m ²	92	-117.000	-10.811.000
-	Bao che bằng lưới B40 xung quanh $S = [(4+6) \times 2 + (11,4+6) \times 2 - 6] \times 1,8$	100%	m ²	88	90.000	7.906.000
5	Bể phốt xây gạch có nắp dầy BTCT dầy 10cm $V = 6 \times 5 \times 1,5 \times 2$ bể	100%	m ³	90	1.975.000	177.750.000
6	Đường ống nước phi 34 dài 600md	100%	md	600	43.000	25.800.000

B	Cây cối, hoa màu (I+II)							627.428.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch	625	3.170,0	198	Cây	100%	800.000	158.400.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 1			198	Cây	50%	800.000	79.200.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 2 trở đi			1081	Cây	30%	800.000	259.440.000
-	Cam chưa TH ĐK > 4			629	Cây	30%	300.000	56.610.000
2	Cau chưa TH <1m			563	Cây	30%	50.000	8.445.000
3	Na chưa TH ĐK<3cm			435	Cây	30%	80.000	10.440.000
4	Mít chưa TH ĐK<3cm			497	Cây	30%	120.000	17.892.000
5	Chuối			100	bụi	50%	50.000	2.500.000
6	Dứa queen	3,2858	3.000,0	9.857	kg	50%	7.000	34.501.000
C	Vật nuôi							149.625.000
	Tên vật nuôi	Diện tích	Chu kỳ nuôi	Khối lượng		Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
+	Lươn đồng	285 m2	6 tháng	285,0		50%	1.050.000	149.625.000

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	284.335.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	399.043.200
2	Cây cối, hoa màu	627.428.000
3	Vật nuôi	149.625.000

Tổng cộng:	1.460.431.000
-------------------	----------------------

IV. PHÂN HỖ TRỢ: 590.270.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$3.895,0 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 568.670.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 42,9 %)

$$8 \text{ khẩu} \times 6 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 21.600.000$$

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.050.701.000

Bằng chữ: Hai tỷ, năm mươi triệu, bảy trăm lẻ một ngàn đồng chẵn

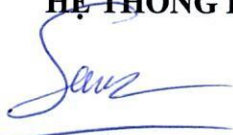
V. Ý KIẾN HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
HỆ THỐNG KÊNH THOÁT NƯỚC QUANH KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Tống Việt Hà
Đại diện Chủ đầu tư



Đặng Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Bùi Thị Thương
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
Thuý**
Chuyên viên
phòng KT, HT &
ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



**Trưởng phòng
KT, HT & ĐT**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Hệ thống kênh thoát nước quanh

Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Khắc Thọ và bà Lê Thị Phụng Nhân khẩu: 7

Địa chỉ: Khôi 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, PCT Hội đồng; |
| 3 Bà Bùi Thị Thương | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Tống Việt Hà | Phó phòng Dự án, Ban QLDA khu vực KKT Nghệ An, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chỉ cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025; Báo cáo của Chi cục thống kê cơ sở Tân Mai số 16/BC-CCTK ngày 23/2/2026

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐĐC 65, Trích đo số 03/2026	502	460,3	73.000	33.602.000
	Cộng:		460,3		33.602.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A		Vật kiến trúc						0
B		Cây cối, hoa màu (I+II)						63.948.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch	625	460,0	29	Cây	100%	800.000	23.200.000
2	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 1		460,0	7	Cây	50%	800.000	2.800.000
-	Cam CTH ĐK >4cm vượt mật độ lần 1			22	Cây	50%	300.000	3.300.000
-	Cam CTH ĐK >4cm vượt mật độ lần 2 trở đi			92	Cây	30%	300.000	8.280.000
2	Cam 3-4cm			97	Cây	30%	220.000	6.402.000
3	Cam 2-3cm			118	Cây	30%	150.000	5.310.000
4	Bạch đàn ĐK 7-10			48	Cây	30%	55.000	792.000
5	Bạch đàn ĐK 10-20			75	Cây	30%	100.000	2.250.000
6	Bạch đàn 5-7			56	Cây	30%	35.000	588.000

7	Bạch đàn 20-30			97	Cây	30%	300.000	8.730.000
8	Keo 30-40			7	Cây	30%	500.000	1.050.000
9	Tre 1-2 năm			5	bụi	30%	40.000	60.000
10	Sả xen			440	m2	50%	5.000	1.100.000
11	Đinh lăng			15	m2	30%	19.000	86.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		33.602.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		63.948.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		97.550.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

82.954.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$460,3 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 67.204.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 26,60 %)

7 khẩu x 5 tháng x 30 kg x 15.000 đồng = 15.750.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 180.504.000

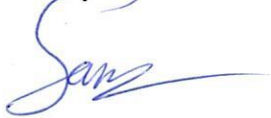
Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu, năm trăm lẻ bốn nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỆ THỐNG KÊNH THOÁT NƯỚC QUANH KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



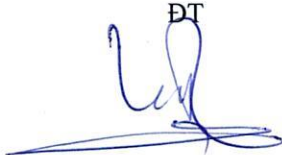
Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &



Tống Việt Hà
Đại diện Chủ đầu tư



Đâu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HD GPMB



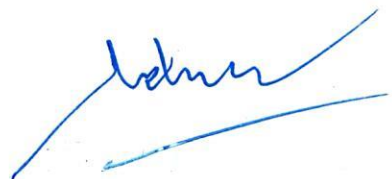
Bùi Thị Thương
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuý
Chuyên viên
phòng KT, HT &



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Hệ thống kênh thoát nước quanh
Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Lê Đăng Thông
và vợ là bà Lê Thị Từ

Nhân khẩu: 4

Địa chỉ: Khối 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, PCT Hội đồng; |
| 3 Bà Bùi Thị Thương | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Tống Việt Hà | Phó phòng Dự án, Ban QLDA khu vực KKT Nghệ An, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chi cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025; Báo cáo của Chi cục thống kê cơ sở Tân Mai số 16/BC-CCTK ngày 23/2/2026

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 65, Trích đo số 03/2026	503	151,8	73.000	11.081.000
2	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 65, Trích đo số 03/2027	501	1.208,4	73.000	88.213.000
	Cộng:		1.360,2		99.294.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu (I+II)							64.425.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Tài sản trên thửa 503							
1	Keo ĐK 1-3			35	Cây	100%	10.000	350.000
2	Keo ĐK 3-5			37	Cây	100%	20.000	740.000
3	Keo ĐK 5-7			35	Cây	100%	35.000	1.225.000
4	Keo ĐK 7-10			40	Cây	100%	55.000	2.200.000
5	Keo ĐK 10-20			40	Cây	100%	100.000	4.000.000
6	Keo ĐK 20-30			10	Cây	100%	300.000	3.000.000
	Tài sản trên thửa 501							

1	Keo ĐK 1-3			285	Cây	100%	10.000	2.850.000
2	Keo ĐK 3-5			230	Cây	100%	20.000	4.600.000
3	Keo ĐK 5-7			215	Cây	100%	35.000	7.525.000
4	Keo ĐK 7-10			217	Cây	100%	55.000	11.935.000
5	Keo ĐK 10-20			260	Cây	100%	100.000	26.000.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		99.294.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		64.425.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		163.719.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ: 209.389.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$1.360,2 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 198.589.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 46,50 %)

$$4 \text{ khẩu} \times 6 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 10.800.000$$

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

373.108.000

Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu, một trăm lẻ tám nghìn đồng chẵn.

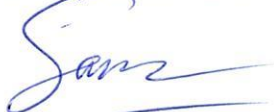
V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ
ÁN HỆ THỐNG KÊNH THOÁT NƯỚC QUANH KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



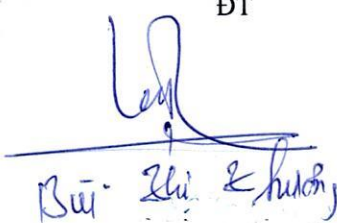
Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Tống Việt Hà
Đại diện Chủ đầu tư



Đâu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Bùi Thị Thanh Hương

Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
Thuý**
Chuyên viên
phòng KT, HT &



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Hệ thống kênh thoát nước quanh
Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Lê Văn Tuôn
và vợ là bà Quách Thị Giới **Nhân khẩu: 5**

Địa chỉ: Khối 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, PCT Hội đồng; |
| 3 Bà Bùi Thị Thương | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Tống Việt Hà | Phó phòng Dự án, Ban QLDA khu vực KKT Nghệ An, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chi cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025; Báo cáo của Chi cục thống kê cơ sở Tân Mai số 16/BC-CCTK ngày 23/2/2026

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 65, Trích đo số 03/2026	506	1.947,7	73.000	142.182.000
2	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐDC 60, Trích đo số 03/2027	52	287,3	73.000	20.973.000
	Cộng:		2.235,0		163.155.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							45.950.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất						Diện tích (m2)	
TT	Tên hạng mục			Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Đường ống nước ĐK 27			100%	md	50	26.000	1.300.000
2	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 65m, 2 cái			100%	md	130	317.000	41.210.000
1	Đường ống nước ĐK 34			100%	md	80	43.000	3.440.000
B	Cây cối, hoa màu (I+II)							365.869.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Tài sản trên thửa 506							
1	Cam thu hoạch	625	1.940,0	121	Cây	100%	800.000	96.800.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 1			121	Cây	50%	800.000	48.400.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ lần 2 trở đi			718	Cây	30%	800.000	172.320.000
2	Bạch đàn ĐK >40			3	Cây	30%	600.000	540.000
3	Dứa queen	3,2858	1.400,0	4.600	kg	50%	7.000	16.100.000

4	Nghệ	1,9007	500	950,35	kg	50%	15.000	7.128.000
Tài sản trên thửa 52								
1	Cam thu hoạch	625	287,0	16	Cây	100%	800.000	12.800.000
-	Cam CTH ĐK >5cm trong mật độ			2	Cây	100%	300.000	600.000
-	Cam CTH ĐK >5cm vượt mật độ lần 1			18	Cây	50%	300.000	2.700.000
-	Cam CTH ĐK >5cm vượt mật độ lần 2			22	Cây	30%	300.000	1.980.000
-	Cam CTH ĐK 4-5cm			35	Cây	30%	300.000	3.150.000
2	Sưa ĐK 20-30			1	Cây	30%	260.000	78.000
3	Keo ĐK 5-7			5	Cây	30%	35.000	53.000
4	Dứa queen	3,2858	280,0	920	kg	50%	7.000	3.220.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	163.155.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	45.950.000
2	Cây cối, hoa màu	365.869.000
3	Vật nuôi	0
	Tổng cộng:	574.974.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

339.810.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$2.235,0 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 326.310.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 46,80 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 6 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 13.500.000$$

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

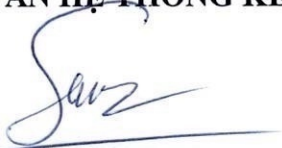
914.784.000

Bằng chữ: Chín trăm mười bốn triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ
ÁN HỆ THỐNG KÊNH THOÁT NƯỚC QUANH KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



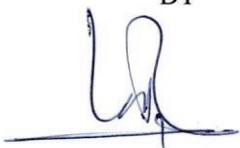
Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Tống Việt Hà
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



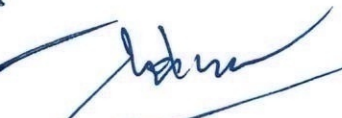
Bùi Thị Thương
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



Phan Thị Ngọc
Thuý
Chuyên viên
phòng KT, HT &



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Wu Xuan Loi
Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI